

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Đoàn Mạnh T3**, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo uỷ quyền: **Ông Đoàn Xuân L1**, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Có đơn xin vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Văn Đ1** và bà **Hoàng Thị C**; địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin vắng mặt.

Người có kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tại các phiên đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn H trình bày:

Năm 1996, hộ gia đình ông khai hoang tại khu vực K để trồng keo, tràm với diện tích 15.642,5m². Tháng 4/2018, ông mới nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ anh Hoàng Ngọc V1 cán bộ địa chính xã chuyển đến. Khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông mới biết diện tích 4.349 m² ở khu vực K không có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện T1 đã cấp 4.349m² đất của gia đình ông cho hộ ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Hoàng Thị C. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T1 hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông để điều chỉnh diện tích đất của gia đình ông từ 11.293,5 m² tăng thêm 4.349 m². Quá trình đối thoại, ông yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đ1 vào năm 2008. Ông trình bày năm 2015, khi ông Đ1 khởi kiện đòi lại đất thì ông đã biết phần đất 4.349 m² mà ông phát hoang trồng cây từ năm 1996 đã cấp cho ông Đ1.

Bà Nguyễn Thị V thống nhất như ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn H.

Ủy ban nhân dân huyện T1 tại Công văn số 366/UBND ngày 20-6-2019 và phiên đối thoại cũng như tại phiên tòa trình bày:

Thực hiện kế hoạch giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài của xã T, Ủy ban nhân dân xã T đã tổ chức họp thôn 1 (nay là thôn 4) bàn biện pháp giao đất, giao rừng đến từng hộ gia đình cá nhân. Ngày 15-7-2005, hộ gia đình ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V làm đơn xin giao đất nông nghiệp lô số 7, khoảnh 3, Tiểu khu 13, trạng thái 1B, loại đất trồng rừng. Cùng thời điểm này gia đình ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Hoàng Thị C làm đơn xin giao đất nông nghiệp lô số 7, khoảnh 1, tiểu khu 22, trạng thái 1B, loại đất trồng rừng. Danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp tại thôn 1 gồm 77 hộ, trong đó hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V 55.000m², hộ ông Nguyễn Văn Đ1 diện tích 31.000m² được niêm yết công khai. Ngày 24-7-2005, Ủy ban nhân dân xã T đã có thông báo số 47/TB-UBND về việc công khai hồ sơ đăng

ký quyền sử dụng đất lâm nghiệp. Ngày 10-8-2005, Ủy ban nhân dân xã T có biên bản kết thúc công khai các trường hợp đủ điều kiện giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp. Trong quá trình công khai không có đơn thư khiếu nại. Trên cơ sở hồ sơ thiết lập, Ủy ban nhân dân xã T đã làm tờ trình số 13/TT-UBND ngày 30-7-2005 về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ và lập Tờ trình số 19/TT-TNMT ngày 23-8-2005 về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp. Ngày 23-8-2005, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 2482/QĐ-UBND về giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình ở xã T đúng trình tự thủ tục và đúng quy định pháp luật. Năm 2005- 2006, Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện dự án đo đạc bản đồ địa chính và lập hồ sơ địa chính cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện T1 trong đó có xã T. Ngày 03-5-2008, hộ ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Hoàng Thị C làm đơn xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp. Căn cứ vào hồ sơ giao đất lâm nghiệp năm 2005 và các tài liệu khác của xã trong đó hộ ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Hoàng Thị C, hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V được Ủy ban nhân dân xã lập danh sách các trường hợp đủ điều kiện được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo đó, hộ ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Hoàng Thị C được cấp đổi lại thửa số 59, tờ bản đồ số 10, diện tích 32.852m² xứ Đồng K, loại đất rừng sản xuất; hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V được cấp lại thửa số 78, tờ bản đồ số 10, diện tích 57.654m² xứ đồng TK13C/1, loại đất rừng sản xuất. Quy trình thực hiện đúng nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 về thi hành Luật Đất đai, Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thông tư số 09/2007/TT-BTNMT ngày 02-8-2007 về việc hướng dẫn lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính.

Về hồ sơ giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 85, tờ bản đồ số 02 tại thôn 4, xã T, huyện T1 của gia đình ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V đã làm đúng quy định của Luật đất đai và các văn bản liên quan. Trong đơn xin cấp đất của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V không có diện tích 4.349m² theo yêu cầu khởi kiện của ông H. Liên quan đến diện tích đất tranh chấp đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy Ủy ban nhân dân huyện T1 không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Bình trình bày:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V năm 2016 khi có chủ trương đo đạc lại để làm cơ sở dữ liệu đất đai gia đình ông H mới làm đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về hồ sơ cấp đất tại thửa 85, tờ bản đồ số 02 của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V làm đúng theo quy định. Về diện tích đất tranh chấp đã

được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, đề nghị giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên qua ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Hoàng Thị C trình bày: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và đối thoại, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Hoàng Thị C theo đúng quy định. Tuy nhiên, ông Đ1, bà Cg đều không có mặt và không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Ngày 05-8-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được đơn xin xử vắng mặt của ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Hoàng Thị C.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 08-8-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính; căn cứ Điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính; Điều 99, khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013; Điều 37, Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành luật đất đai.

Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 980609 thửa đất số 85, tờ bản đồ số 02 diện tích 11.293,5 m² tại xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Bình, được Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V ngày 04-6-2018 để điều chỉnh diện tích tăng thêm 4.349m².

Ngoài ra bản án Hành chính sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 19-11-2018, ông Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bị kiện; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, các văn bản pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Người khởi kiện bà Nguyễn Thị V; đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Bình; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Hoàng Thị C có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Đối tượng khởi kiện là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 980609 do Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H ngày 06-4-2018 đối với diện tích 11.293,5 m² thuộc thửa đất 85, tờ bản đồ số 02, tại thôn 4, xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Bình và buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 phải thực hiện việc điều chỉnh diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho phù hợp với thực tế hiện trạng sử dụng đất. Tháng 4/2019, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị V nhận được giấy chứng nhận nêu trên. Căn cứ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H ngày 30-3-2019. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý để giải quyết là đúng quy định khoản khoản 1 Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính và còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn H cho rằng diện tích 4.349m² đất là do ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị V khai hoang tại khu vực K và trồng cây keo, tràm từ năm 1996 nằm trong diện tích 15.642,5m². Sau đó, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã T xin lập vườn đồi và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T chấp thuận và xác nhận vào ngày 10-3-1996. Ngày 24-6-1998, ông H tiếp tục có đơn xin được làm nhà ở trên phần đất kể trên và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T chấp thuận. Ngày 06-4-2018, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị V chỉ được Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 980609 diện tích 11.293,5 m². Diện tích còn thiếu 4.349m² đất của ông, bà thì Ủy ban nhân dân huyện T1 lại cấp cho ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Hoàng Thị C là không đúng.

[4] Xét, quá trình kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân thực hiện theo chủ trương, chính sách của Nhà nước. Căn cứ vào hồ sơ giao đất và các tài liệu khác, hộ ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị V và hộ ông Nguyễn Văn Đ1, bà Hoàng Thị C được Ủy ban nhân dân xã lập danh sách các trường hợp đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005. Sau đó, hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V được cấp đổi lại thửa số 78, tờ bản đồ số 10, diện tích 57.654m² xứ đồng TK13C/1, loại đất rừng sản xuất; hộ ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Hoàng Thị C được cấp đổi lại thửa số 59, tờ bản đồ số 10, diện tích 32.852m² xứ Đồng K, loại đất rừng sản xuất năm 2008. Diện tích tranh chấp 4.349m² đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Hoàng Thị C. Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền địa phương thông báo công khai tại thời điểm cấp nhưng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V không có ý kiến gì. Ngày 05-11-2017, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị V làm đơn kê khai, xin cấp Giấy chứng nhận diện tích 11.293,5 m². Căn cứ đơn kê khai, xin cấp Giấy chứng nhận này, Ủy ban nhân dân huyện T1 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 980609 ngày 06-4-2018, thửa số 85, tờ bản đồ số 02 tại thôn 4, xã T, huyện T1 cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V là đúng quy định của Luật đất đai và các văn bản liên quan.

[5] Việc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị V cho rằng diện tích 4.349 m² đất khai hoang năm 1996, nhưng ông, bà lại không đăng ký, kê khai đất để ghi vào Sổ địa chính, Sổ mục kê làm căn cứ cấp giấy chứng nhận là không đúng

quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 3 Quyết định số 499/QĐ-ĐC ngày 27-7-1995 của Tổng cục địa chính về đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất. Đồng thời, theo chính sách quản lý đất đai của Nhà nước thì “*Chủ cũ hoặc người thừa kế của người đó không có quyền đòi lại quyền sử dụng đất nếu đất đó đã được giao cho người khác sử dụng và họ đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 1987, Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003 hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003, trừ trường hợp có căn cứ chứng minh người đang sử dụng đất đó có hành vi gian dối, lừa đảo...để được giao quyền sử dụng đất*” (Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Như vậy, Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại quyền sử dụng đất nếu đất đó đã được giao, bố trí cho người khác sử dụng theo quy định pháp luật.

[6] Mặt khác, năm 2015 ông Nguyễn Văn Đ1, bà Hoàng Thị C và ông Nguyễn Văn H tranh chấp dân sự với nhau. Tại bản án phúc thẩm số 03/2016/DS-PT ngày 23-02-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, công nhận phần đất 4.349 m² thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Đ1, bà Hoàng Thị C và buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ1 phải bồi thường tài sản có trên đất cho ông Nguyễn Văn Hoá. Như vậy, diện tích 4.349 m² đã được giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Ngoài ra, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng về việc không giải quyết yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Hoàng Thị C. Tuy nhiên, nội dung này chưa được nộp tạm ứng án phí nên cấp sơ thẩm không giải quyết là đúng. Ông Nguyễn Văn H kháng cáo yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 980609 thửa đất số 85, tờ bản đồ số 02 diện tích 11.293,5 m² do Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V ngày 04-6-2018 để điều chỉnh diện tích tăng thêm 4.349m² nhưng xuất trình được chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận. Giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 08-8-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Áp dụng Điều 99, khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013; Điều 37, Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành luật đất đai. **Xử:**

Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 980609 thửa đất số 85, tờ bản đồ số 02 diện tích 11.293,5m² tại xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Bình được Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V ngày 04-6-2018 để điều chỉnh diện tích tăng thêm 4.349m².

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 349 Bộ luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 30, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0006231 ngày 22-8-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Ông Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 18-11-2019./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu